

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thái Lãm và ông Nguyễn Bá Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 09/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 và Thông báo ngày xét xử số 15/2024/TB-TA ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B);

Địa chỉ: LPB Tower, số 210 đường T, phường T, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Hồ Nam T – Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP L.

Đại diện theo ủy quyền: ông Tạ Phạm Kim S – Giám đốc Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Phú Yên – Phòng Giao dịch Đông Hòa (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Phú Yên – Phòng Giao dịch Đông Hòa).

Địa chỉ: đường H, khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

(Theo Quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 ngày 15/7/2024 của Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Công văn số 155/2024/LPBank.PY ngày 17/9/2024 của Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Phú Yên; Quyết định ủy quyền số 9721A/2023/QĐ-LPBank.GSKD&XLN ngày 11/7/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP B; Văn bản ủy quyền số

01/2024/GUQ-LPB.PY ngày 24/4/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Phú Yên).

Có mặt.

2. Bị đơn: bà Quảng Thị M – sinh năm: 1985; ông Trương Trọng T – sinh năm: 1985

Trú tại: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bà M có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP L trình bày:*

Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD60120210210 ngày 08/3/2021; Ngân hàng TMCP L có cho bà Quảng Thị M, ông Trương Trọng T vay số tiền 100.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất: 8,5%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm; phương thức trả nợ: nợ gốc được trả vào ngày 15 hàng tháng, trong vòng 36 tháng, số tiền phải trả từ tháng thứ nhất đến tháng thứ 35 là 2.780.000 đồng/tháng, số tiền phải trả tháng thứ 36 là 2.700.000 đồng, lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng và được tính trên dư nợ gốc ban đầu, ngày trả đầu tiên là 15/4/2021

Kể từ kỳ trả nợ ngày 15/8/2023 bà M, ông T không thực hiện đúng theo cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở thu nợ, nhưng bà M, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết.

Từ ngày giải ngân đến nay, bà M, ông T đã trả được số tiền nợ gốc là 84.170.009 đồng và lãi là 20.726.028 đồng. Đến nay, khoản vay của bà M, ông T đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M, ông T phải trả cho Ngân hàng một lần số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 22.513.989 đồng, trong đó gốc 15.829.991 đồng, lãi trong hạn là 4.797.261 đồng, lãi quá hạn là 1.509.410 đồng, lãi chậm trả là 377.327 đồng và lãi phát sinh sau ngày 23/9/2024 cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Quảng Thị M trình bày:*

Bà M thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền tại Ngân hàng TMCP L theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD60120210210 ngày 08/3/2021 với số tiền vay là 100.000.000 đồng như Ngân hàng trình bày là đúng. Sau khi vay, do làm ăn thua lỗ nên không trả nợ theo thỏa thuận với Ngân hàng. Tính đến ngày 23/9/2024, vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng số tiền vay là 22.513.989 đồng, trong đó gốc 15.829.991 đồng, lãi trong hạn là 4.797.261 đồng, lãi quá hạn là 1.509.410 đồng, lãi chậm trả là 377.327 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện, vợ chồng bà thống

nhất trả số tiền nợ trên và lãi phát sinh sau ngày 23/9/2024, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác

* Bị đơn ông Trương Trọng T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 22.513.989 đồng, trong đó gốc 15.829.991 đồng, lãi trong hạn là 4.797.261 đồng, lãi quá hạn là 1.509.410 đồng, lãi chậm trả là 377.327 đồng và lãi phát sinh sau ngày 23/9/2024. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Quảng Thị M, ông Trương Trọng T, trú tại: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD60120210210 ngày 08/3/2021. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của bị đơn bà M, có đủ cơ sở để xác định giữa Ngân hàng TMCP L và bà Quảng Thị M, ông Trương Trọng T có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD60120210210 ngày 08/3/2021, với số tiền vay 100.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất: 8,5%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm. Nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, 119, 398, 401 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 nên hợp đồng có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đến nay đã quá hạn nhưng vợ chồng bà M, ông T chỉ mới trả nợ gốc 84.170.009 đồng, lãi 20.726.028 đồng, số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại không tiếp tục trả cho Ngân hàng. Tính đến ngày 23/9/2024, vợ chồng bà M, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 22.513.989 đồng, trong đó gốc 15.829.991 đồng, lãi trong hạn là 4.797.261 đồng, lãi quá hạn là 1.509.410 đồng, lãi chậm trả là 377.327 đồng, bà M xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng Ngân hàng không chấp nhận cho bà M, ông T trả dần.

Xét việc bị đơn đã nợ số tiền trên của nguyên đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng giao kết là vi phạm hợp đồng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ trên là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà M, ông T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L số tiền là tiền 22.513.989 đồng, trong đó gốc 15.829.991 đồng, lãi trong hạn là 4.797.261 đồng, lãi quá hạn là 1.509.410 đồng, lãi chậm trả là 377.327 đồng và lãi phát sinh sau ngày 23/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5% số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí, nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 117, 119, 398, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L

[1] Buộc bị đơn bà Quảng Thị M, ông Trương Trọng T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L số tiền tính đến ngày 23/9/2024 là 22.513.989 đồng (trong đó gốc 15.829.991 đồng, lãi trong hạn là 4.797.261 đồng, lãi quá hạn là 1.509.410 đồng, lãi chậm trả là 377.327 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Bị đơn bà Quảng Thị M, ông Trương Trọng T phải chịu 1.126.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L số tiền 538.000đ (*Năm trăm ba mươi tám nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số: 0003157 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. Đông Hoà;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lệ Hiền